TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 108/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 18-3-2025
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con giữa chị Phan Thị L và anh Trần Văn H.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH, TỈNH NAM ĐỊNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Mai Thị Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Kim Thành

2. Bà Trịnh Thị Kim Cúc

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Nguyễn Thu Thủy – Thư ký Toà án của Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.

Ngày 18 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 40/2025/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2025 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2024/QĐXXST–HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Phan Thị L, sinh năm 1985; số CCCD: 036185008xxx; địa chỉ đăng ký thường trú: Thôn T, xã P, thành phố Nam Định (địa chỉ cũ: Thôn T, xã P, huyện Mỹ Lộc), tỉnh Nam Định; địa chỉ cư trú: Thôn T, xã P, thành phố Nam Định (địa chỉ cũ: Thôn T, xã P, huyện Mỹ Lộc), tỉnh Nam Định.

- *Bị đơn*: Anh Trần Văn H, sinh năm 1980; số CCCD: 036080018xxx; địa chỉ đăng ký thường trú: Thôn T, xã P, thành phố Nam Định (địa chỉ cũ: Thôn T, xã P, huyện Mỹ Lộc), tỉnh Nam Định; địa chỉ cư trú: Số 96 đường L, phường A, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

(Tại phiên tòa chị L và anh H có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện ngày 01-11-2024, bản tự khai ngày 17-02-2025, nguyên đơn là chị Phan Thị L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Văn H được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Phúc, huyện Mỹ Lộc (nay là thành phố Nam Định) vào ngày 03-4-2006. Sau khi kết hôn vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do không hòa hợp, không tìm được tiếng nói chung. Bên cạnh đó, vợ chồng mâu thuẫn còn do bản thân chị bị ốm, việc làm ăn không thuận lợi. Do không giải quyết được mâu thuẫn nên từ năm 2018 đến nay vợ chồng đã ly thân mỗi người một nơi không quan tâm đến nhau. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin ly hôn với anh Trần Văn H.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Trần Thị L1, sinh ngày 19-07-2007 và Trần Văn K, sinh ngày 16-12-2009. Quan điểm của chị xin được nuôi dưỡng hai con chung. Về cấp dưỡng nuôi con: chị tự thỏa thuận với anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Anh chị không có gì nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại đơn trình bày ngày 27-02-2025 và đơn xin vắng mặt ngày 27-02-2025 (có chứng thực của Văn phòng công chứng Phạm Lan Anh, địa chỉ: 07A2 Trần Phú, phường 3, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng) bị đơn là anh Trần Văn H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh xác nhận điều kiện kết hôn như chị Phan Thị L trình bày. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không hạnh phúc do không hợp, bất đồng quan điểm sống. Do tính chất công việc anh đi làm xa không thường xuyên ở nhà nên cũng ảnh hưởng đến tình cảm vợ chồng. Nay chị Phan Thị L làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn quan điểm của anh cũng nhất trí ly hôn vì xác định vợ chồng không đoàn tụ được. Anh và chị L nhất trí lựa chọn Tòa án nhân dân thành phố Nam Định là nơi giải quyết vụ án ly hôn giữa anh và chị L.

- Về con chung: Anh xác nhận vợ chồng có 2 con chung như chị L trình bày. Nếu ly hôn anh nhất trí giao hai con cho chị L nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: anh chị tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Tại đơn đề nghị đề ngày 18-2-2025, đơn đề nghị đề ngày 19-2-2025 cháu Trần Thị L1, sinh ngày 19-07-2007 và cháu Trần Văn K, sinh ngày 16-12-2009 đều trình bày nguyện vọng muốn được ở với mẹ nếu bố mẹ ly hôn.

4. *Tại đơn đề nghị ngày 14-02-2025 của chị Phan Thị L (có xác nhận của chính quyền địa phương) trình bày*: Chị Phan Thị L và anh Trần Văn H tìm hiểu tự nguyện và đăng ký kết hôn năm 2006 tại UBND xã Mỹ Phúc, huyện Mỹ Lộc (nay là thành phố Nam Định), tỉnh Nam Định. Quá trình chung sống anh chị có phát sinh mâu thuẫn do không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống và tính cách. Anh chị có có 02 con chung là Trần Thị L1, sinh ngày 19-07-2007 và Trần Văn K, sinh ngày 16-12-2009.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Chị Phan Thị L và anh Trần Văn H làm đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Phan Thị L và anh Trần Văn H.

[2] Về nội dung vụ án:

2.1 Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị L và anh Trần Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Phúc, huyện Mỹ Lộc (nay là thành phố Nam Định) vào ngày 03-4-2006 nên là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống anh chị phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hòa hợp về tính cách, quan điểm sống. Do tính chất công việc anh H không thường xuyên ở nhà nên cũng làm ảnh hưởng đến tình cảm vợ chồng. Theo chị L trình bày vợ chồng đã ly thân từ năm 2018 đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh H có đơn xin vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tại phiên tòa chị L và anh H có đơn xin vắng mặt và vẫn giữ quan điểm đề nghị giải quyết ly hôn.

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được; vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử ly hôn giữa chị Phan Thị L và anh Trần Văn H.

2.2 Về con chung: Chị Phan Thị L và anh Trần Văn H có 02 con chung là Trần Thị L1, sinh ngày 19-07-2007 và Trần Văn K, sinh ngày 16-12-2009. Xét thấy, anh H đang đi làm xa, chị L và anh H đều có quan điểm thống nhất giao hai con chung cho chị L nuôi dưỡng, các con chung đều có nguyện vọng muốn được ở với mẹ nếu bố mẹ ly hôn. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung và phù

hợp với thực tế Hội đồng xét xử giao cháu Trần Thị L1 và cháu Trần Văn K cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục là phù hợp với Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị L và anh H tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3 Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2.4 Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5, 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Phan Thị L phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử ly hôn giữa chị Phan Thị L và anh Trần Văn H.

2. Về con chung: Giao cho chị Phan Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung là Trần Thị L1, sinh ngày 19-07-2007, số định danh cá nhân: 036307003xxx; giới tính: nữ và Trần Văn K, sinh ngày 16-12-2009, số định danh cá nhân: 036209018xxx, giới tính: nam. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Phan Thị L và anh Trần Văn H tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết

Anh Trần Văn H vẫn có đầy đủ quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên theo quy định pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở nhưng không được làm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Phan Thị L phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) chị L đã

nộp theo Biên lai tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0002600 ngày 14 tháng 02 năm 2025 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.

4. Chị Phan Thị L và anh Trần Văn H có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND thành phố Nam Định;
- Chi cục THADS thành phố Nam Định;
- UBND xã Mỹ Phúc, thành phố Nam Định;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Thị Thu Hiền

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Thị Thu Hiền